

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 4 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản sau khi ly hôn. Tranh
chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.
2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị S, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp KN, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Hữu M, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp KA, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Phương T, sinh năm: 1959, địa chỉ: khóm TB, phường AH, TP.SĐ, tỉnh ĐT.

Anh Trương Thanh L, sinh năm: 1980, địa chỉ: khóm TH, phường TQĐ, thành phố SĐ, tỉnh ĐT.

(Chị S, bà T, anh L có mặt tại phiên tòa,
anh M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Huỳnh Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Hữu M tổ chức đám cưới vào ngày 21/7/2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT vào ngày 05/02/2013 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không lo tu chí làm ăn để lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, đánh bài, cờ bạc. Vào năm 2014 anh M vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt tù, sau khi ra tù anh M vẫn không lo tu chí làm ăn, tiếp tục phạm tội và hiện nay đang chấp hành bản án của Tòa án thành phố SĐ với mức án 02 năm 06 tháng tù. Xét thấy, anh M không thay đổi được tính tình, không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hữu M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thiên A, sinh ngày 28/10/2014, con hiện nay chị S đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con do anh M đang chấp hành hình phạt tù không làm ra tiền được nên chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng tạo lập gồm:

+ Thừa đất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m² (đo đạc thực tế là 1.118m²), đất lúa và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 73 diện tích 1.244m² (đo đạc thực tế là 1.146m²), đất lúa, tọa lạc tại xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT và toàn bộ cây trồng trên đất, ngoài ra không có tài sản nào khác. Hai thửa đất này và cây trồng trên đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng anh M đã tự ý làm hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà T và anh L với số tiền là 80.000.000đ và anh M đã làm thủ tục sang tên cho bà T và anh L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có sự đồng ý của chị S. Mặc dù, hai diện tích đất này đã sang tên cho bà T và anh L nhưng từ trước đến nay chị S là người quản lý, sử dụng. Số tiền anh M nhận chuyển nhượng đất, anh M không đem về để chi xài trong gia đình mà anh M tự xài một mình. Nay chị S yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu để vợ chồng chia tài sản chung mỗi người một nửa, chị S lấy hiện vật là quyền sử dụng đất và toàn bộ cây trồng trên đất, đồng ý thối giá trị cho anh M. Giá trị tài sản gồm đất và cây trồng trên đất là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), chị S đồng ý giao lại cho anh M số tiền là

90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Chị S không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Do anh M đã nhận số tiền chuyển nhượng đất là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Nay bà T và anh L cũng đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh M với bà T và anh L nhưng yêu cầu anh M có nghĩa vụ trả số tiền chuyển nhượng đất là 80.000.000đ và 10.000.000đ tiền phí phát sinh, tổng cộng là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) cho bà T và anh L. Chị S đồng ý trả cho anh L và bà T số tiền này nhưng chị S yêu cầu được sử dụng toàn bộ hai diện tích đất trên và toàn bộ cây trồng trên đất mà không phải bồi lại giá trị đất cho anh M nữa.

4. Về nợ chung: Không có.

- *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 25 tháng 8 năm 2018, biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2019 bị đơn anh Huỳnh Hữu M trình bày:* Do anh M đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam nên không thể tham gia phiên hoà giải được nhưng anh M có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu M thống nhất lời trình bày của chị S về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như chị S trình bày. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thiên Ân, sinh ngày 28/10/2014, con hiện nay chị S đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh M đồng ý giao con cho chị S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất vợ chồng có hai diện tích đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m² (đo đạc thực tế là 1.118m²), đất lúa và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 73 diện tích 1.244m² (đo đạc thực tế là 1.146m²), đất lúa, tọa lạc tại xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT và toàn bộ cây trồng trên đất. Anh M thống nhất giá trị đất và cây trồng là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), ngoài ra không có tài sản nào khác. Nay ly hôn anh M đồng ý chia tài sản chung mỗi người một nửa, đồng ý cho chị S được quyền sử dụng hai diện tích đất trên. Anh M đồng ý lấy ½ giá trị tài sản chung là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, hiện nay hai diện tích đất này anh M đã làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Trương Thanh L và bà Đặng Phương T với số tiền 80.000.000đ mà không có sự đồng ý của chị S, khi làm thủ tục chuyển nhượng bà T và anh L có hứa nếu anh M có tiền để chuộc lại thì anh L và bà T cho chuộc lại. Nay nếu chị S đồng ý trả cho bà T và anh L số tiền 90.000.000đ theo như yêu cầu của bà T và anh L để huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì anh M đồng ý giao hai diện tích đất trên và toàn bộ cây trồng

có trên đất cho chị S được toàn quyền sử dụng, số tiền chia tài sản chung xem như anh M đã nhận và giao cho chị S để trả cho anh L và bà T.

Về nợ không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại tờ tường trình đề ngày 03 tháng 12 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Thanh L và bà Đặng Phương T trình bày:* Vào ngày 22/01/2014 anh L, bà T và anh M có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp, địa chỉ số 024 đường Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Thuận, TT.Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Theo đó anh M đồng ý chuyển nhượng cho bà T và anh L hai thửa đất, thửa thứ nhất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m², đất lúa và thửa thứ hai số 103, thuộc tờ bản đồ số 73 diện tích 1.244m², đất lúa, tọa lạc tại xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT, đất do anh M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng đất do đứng tên cá nhân anh M và anh M cung cấp cho Văn phòng công chứng giấy chứng nhận còn độc thân nên anh L và bà T mới đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng. Giá chuyển nhượng là 80.000.000đ, mọi chi phí làm thủ tục sang tên và thuế thì bên bà T và anh L chịu. Anh L và bà T đã giao đủ tiền cho anh M và hiện nay hai thửa đất này đã được UBND huyện LV cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho anh L và bà T đứng tên nhưng bà T và anh L chưa nhận đất mà đất vẫn đang do chị S sử dụng. Nay chị S cho rằng phần diện tích đất mà anh L, bà T nhận chuyển nhượng là tài sản chung của vợ chồng chị S và anh M và có yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu để chị S và anh M chia tài sản chung thì bà T và anh L cũng đồng ý và sang tên lại cho chị S đứng tên nhưng yêu cầu chị S phải có nghĩa vụ trả lại tiền chuyển nhượng đất. Mặc dù, giá đất hiện nay theo Hội đồng định giá là cao hơn so với giá chuyển nhượng vào năm 2014 nhưng thấy hoàn cảnh của chị S khó khăn nên anh L và bà T chỉ yêu cầu chị S trả lại số tiền chuyển nhượng đất là 80.000.000đ và 10.000.000đ là số tiền chi phí mà bà T và anh L bỏ ra để làm thủ tục sang tên, ngoài ra anh L và bà T không có yêu cầu nào khác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính hiện nay bà T và anh L đang giữ.

Tại phiên toà đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà. Riêng bị đơn do đang bị chấp hành hình phạt tù tại Trại giam nên không

đến Toà án được nhưng Toà án cũng đã lấy lời khai của anh M theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị S. Về con chung: Giao con chung cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu. Về tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hữu M và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, đồng thời yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh M với bà T và anh L vô hiệu nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” và bị đơn có hộ khẩu tại huyện LV, tỉnh ĐT do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án do anh M đang chấp hành hình phạt tù nên không đến Tòa án để tham gia phiên hoà giải được và có đơn xin vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Hữu M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Hữu M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Hữu M đều thừa nhận anh chị tổ chức đám cưới vào ngày 21/7/2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05/02/2013 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh M là hợp pháp. Theo chị S trình bày, sau đám cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không lo tu chí làm ăn để lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, đánh bài, cờ bạc. Chị S đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh M không sửa đổi. Vào năm 2014 anh M vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt tù, sau khi ra tù anh M vẫn không lo tu chí làm

ăn, tiếp tục phạm tội và hiện nay đang chấp hành bản án của Toà án thành phố Sa Đéc với mức án 02 năm 06 tháng tù tại Trại giam ĐT – Cục C10 – Bộ Công an. Xét thấy, anh M không thay đổi được tính tình, không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hữu M. Tại biên bản lấy lời khai anh Huỳnh Hữu M cũng đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị S.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị S và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị S đối với anh Huỳnh Hữu M.

[3] Về con chung: Chị Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Hữu M đều thống nhất vợ chồng có một con chung tên Huỳnh Thiên Ân, sinh ngày 28/10/2014, con hiện nay chị S đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M cũng đồng ý giao con chung cho chị S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Hữu M đều thống nhất vợ chồng có hai diện tích đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m² (đo đạc thực tế là 1.118m²), đất lúa và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 73 diện tích 1.244m² (đo đạc thực tế là 1.146m²), đất lúa, tọa lạc tại xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và cây trồng trên đất là tài sản chung của vợ chồng. Nay ly hôn yêu cầu chia đôi mỗi người một nửa, chị S yêu cầu được lấy hiện vật là quyền sử dụng đất và toàn bộ cây trồng trên đất, đồng ý bồi giá trị lại cho anh M. Tuy nhiên, cả hai phần diện tích đất này anh Huỳnh Hữu M đã làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L, đất đã sang tên cho bà T và anh L nhưng không có sự đồng ý của chị S mà chị S vẫn là người đang sử dụng nên nay chị S yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà T, anh L và anh M vô hiệu để vợ chồng chia tài sản chung.

[5] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh M với bà T và anh L thấy: Vào ngày 22 tháng 01 năm 2014 giữa anh Huỳnh Hữu M với bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng được Văn phòng công chứng Đồng Tháp địa chỉ số 024 đường Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Thuận, TT.Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp công chứng. Theo đó anh M đồng ý chuyển nhượng cho bà T và anh L hai diện tích đất gồm: Diện tích đất thứ

nhất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 730089, vào sổ cấp GCN: CH06448 do UBND huyện LV cấp ngày 22/10/2013, thửa đất 103, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.244m², mục đích sử dụng đất lúa. Diện tích đất thứ hai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 730088, vào sổ cấp GCN: CH06447 do UBND huyện LV cấp ngày 22/10/2013, thửa đất 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m², mục đích sử dụng đất lúa, đất toạ lạc tại ấp KN, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT do anh Huỳnh Hữu M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị chuyển nhượng là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án chị S và anh M đều thừa nhận hai thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng và anh M đã thực hiện việc chuyển nhượng đất mà không có sự đồng ý của chị S nên yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và anh L với anh M đối với các diện tích đất trên là vô hiệu. Anh M có nghĩa vụ trả lại số tiền chuyển đất là 80.000.000đ và chi phí khi bà T và anh L làm thủ tục sang tên là 10.000.000đ, tổng cộng là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), nếu chị S trả số tiền trên cho bà T và anh L thì chị S được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất.

Tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thoả thuận.

Tại Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

1. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.

2. Tài sản chung của vợ chồng được chi dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện các nghĩa vụ chung của vợ chồng.

3. Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thoả thuận, trừ tài sản chung đã được chia để đầu tư kinh doanh riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của anh M và chị S đủ cơ sở kết luận hai diện tích đất trên và toàn bộ

cây trồng trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh M và chị S. Việc anh M đã tự ý định đoạt tài sản chung có giá trị lớn của vợ chồng mà không có sự đồng ý của chị S nên chị S yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh M với bà T và anh L vô hiệu, ngoài ra không có yêu cầu nào khác là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Tại phiên toà ngày hôm nay bà T và anh L cũng đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22 tháng 01 năm 2014 giữa anh Huỳnh Hữu M với bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L do vô hiệu và đồng ý nhận số tiền chuyển nhượng đất là 80.000.000đ và chi phí làm thủ tục sang tên là 10.000.000đ, tổng cộng là 90.000.000đ. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Như vậy, việc chị Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Hữu M, bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L thoả thuận thống nhất huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 22 tháng 01 năm 2014 giữa anh Huỳnh Hữu M với bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.244m², mục đích sử dụng đất lúa và thửa đất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m², mục đích sử dụng đất lúa, đất tọa lạc tại ấp Khánh Nhơn, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do vô hiệu và chị S đồng ý trả cho bà T và anh L số tiền mà anh M đã nhận là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Chị S được tiếp tục sử dụng đối với hai diện tích đất trên. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét việc thoả thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chia tài sản chung: Chị Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Hữu M đều thống nhất giá trị tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 113, tờ bản đồ số 73, đo đạc thực tế là 1.118m², đất lúa và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 73 diện tích đo đạc thực tế là 1.146m², tổng cộng là 2.264m² đất lúa, tọa lạc tại xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT và toàn bộ cây trồng trên đất có giá trị là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Chị S và anh M thống nhất chia hai mỗi người một nửa, chị S được quyền sử dụng đất, toàn bộ cây trồng trên đất và chị S có nghĩa vụ trả giá trị tài sản lại cho anh M với số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, do anh M đã nhận số tiền chuyển nhượng đất của bà T và anh L và có nghĩa vụ trả cho bà T và anh L số tiền là 90.000.000đ nên chị S đồng ý trả số tiền này cho bà T và anh L. Anh M cũng đồng ý để chị S trả số tiền này cho bà T và anh L nên coi như số tiền chia tài sản chung, anh M đã nhận xong.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Chị Huỳnh Thị S và anh Huỳnh Hữu M đều không nhất quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và không

có cho ai nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, án phí chia tài sản chung anh M và chị S mỗi người phải chịu số tiền là 4.500.000đ, bà T và anh L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 6.192.000 đồng. Chị S và anh M mỗi người chịu một nửa, số tiền này chị S đã nộp và chi xong nên anh M phải nộp lại 3.096.000đ để trả lại cho chị S.

[10] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 và Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào Điều 134, Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 106 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị S được ly hôn với anh Huỳnh Hữu M.

2. Về con chung:

2.1. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thiên A, sinh ngày 28/10/2014 cho chị Huỳnh Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị S không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Công nhận sự thoả thuận giữa chị Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Hữu M, anh Trương Thanh L và bà Đặng Phương T: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 22 tháng 01 năm 2014 giữa anh Huỳnh Hữu M với bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.244m², mục đích sử dụng đất lúa và thửa đất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m², mục đích sử dụng đất lúa, đất toạ lạc tại ấp KN, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐTVô hiệu.

3.2. Chị Huỳnh Thị S có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Tuyết và anh Trương Thanh L số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.3. Chị Huỳnh Thị S được tiếp tục sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.244m² (đo đạc thực tế là 1.146m²), mục đích sử dụng đất lúa và thửa đất số 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m² (đo đạc thực tế là 1.118m²), mục đích sử dụng đất lúa, đất toạ lạc tại ấp KN, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐTVà toàn bộ cây trồng có trên đất.

Đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện LV, tỉnh ĐTVthu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 497819, vào sổ cấp GCN: CH07018 do UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 02/10/2014 đối với thửa đất 103, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.244m², mục đích sử dụng đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 497821, vào sổ cấp GCN: CH07019 do UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 02/10/2014 đối với thửa đất 113, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.130m², mục đích sử dụng đất lúa, đất toạ lạc tại ấp KN, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐTVdo anh Trương Thanh L đứng tên (cùng sử dụng đất với bà Đặng Phương T) để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho chị Huỳnh Thị S theo bản án đã tuyên.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV).

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp theo biên lai số 0001717 ngày 23 tháng 7 năm 2018 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Như vậy, số tiền án phí chị S còn phải nộp tiếp là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Huỳnh Hữu M phải nộp 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0007193 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò. Bà T và anh L còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)

6. Về chi phí tố tụng khác: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 6.192.000 đồng (Sáu triệu một trăm chín mươi hai nghìn). Chị S và anh M mỗi người chịu một nửa, số tiền này chị S đã nộp và chi xong nên anh M phải nộp lại 3.096.000đ (Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng) để trả lại cho chị S.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị S, bà Đặng Phương T và anh Trương Thanh L có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Huỳnh Hữu M vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Tân Khánh Trung;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội